

Bản án số: 476/2018/DS-ST

Ngày: 23-10-2018

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Thế Đông

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Công T

Bà Trần Quang Cảnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa:**  
Bà Đoàn Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 345/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Phan H T và bà Đỗ Thị D L; địa chỉ: đường L, phường S, quận T, Thành phố H.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Đinh Văn L1 là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 17/10/2017)

**- Bị đơn:** Bà Đỗ Thị T; địa chỉ: đường N, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị T1; địa chỉ: đường N, phường T, quận T, Thành phố H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện của ông Phan H T và bà Đỗ Thị D L, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền là ông Đinh Văn L1, nguyên đơn trình bày:

Vào tháng 3 năm 2013, ông Phan H T liên hệ với Văn phòng UBND quận T làm thủ tục sao lục hồ sơ để hợp thức hóa nhà và đất tại địa chỉ đường A, phường T, quận Tân Phú, Thành phố H thì gặp bà Đỗ Thị T là nhân viên thuộc Văn phòng

UBND quận T tiếp nhận hồ sơ. Sau đó, bà T đã chủ động liên hệ gặp ông T nói sẽ giúp làm các thủ tục để được hợp thức hóa nhà, đất cho ông T nên ông T đã đồng ý để bà T làm. Bà T yêu cầu ông T ứng tiền trước để lo các thủ tục giấy tờ, nếu không được sẽ hoàn lại tiền cho ông T. Sau đó, bà T đã nhận của ông T và bà L tổng số tiền 890.000.000 đồng. Trong đó có 260.000.000 đồng không có giấy biên nhận; số tiền 630.000.000 đồng bà T đã nhận theo: giấy biên nhận ngày 03/4/2013, số tiền 60.000.000 đồng, giấy biên nhận ngày 09/4/2013, số tiền 70.000.000 đồng, giấy biên nhận ngày 10/7/2013, số tiền 300.000.000 đồng và giấy biên nhận ngày 01/10/2013, số tiền 200.000.000 đồng.

Đến cuối tháng 11 năm 2013, ông T thấy bà T không làm được việc hợp thức hóa nhà, đất nên đã yêu cầu bà T hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã nhận cho ông T và chấm dứt việc hợp thức hóa nhà, đất. Sau đó, bà T đã trả lại cho ông T 200.000.000 đồng và ông T cho bà T 60.000.000 đồng xem như chi phí đi lại. Số tiền 630.000.000 đồng còn lại bà T hứa sẽ trả hết cho vợ chồng ông T, bà L vào đầu năm 2014 nhưng không thực hiện. Đến ngày 02/4/2014, bà Nguyễn Thị T1 (mẹ bà T) đã trả thay bà T 100.000.000 đồng. Như vậy, bà T vẫn còn nợ ông T, bà L 530.000.000 đồng. Sau nhiều lần nguyên đơn yêu cầu trả nợ nhưng bà T có tình trốn tránh thì nguyên đơn đã gửi đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Thông báo Số 1859/TB-PC45(Đ8) ngày 26/5/2016 xác định đây là tranh chấp dân sự, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan điều tra. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả một lần cho ông T và bà L số tiền 530.000.000 đồng.

Bị đơn là bà T không có lời khai tại Tòa án, vắng mặt khi được tòa án triệu tập làm việc, hòa giải và khi xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T1 (mẹ bà T) tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2018 trình bày: Bà T1 không biết việc vay tiền giữa ông T, bà L và bà T. Lúc ông T đến nhà bà đòi tiền bà T thì bà có trả thay 100.000.000 đồng, có ghi biên nhận nhưng không nhớ ngày tháng năm. Bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác. Do bà không có ý kiến, không có yêu cầu và không liên quan đến việc giải quyết vụ án giữa ông T và bà T nên đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và xét xử tại Tòa án.

Tòa án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn bà T vắng mặt liên tiếp hai lần mặc dù đã được thông báo, triệu tập hợp lệ và nguyên đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Đinh Văn L1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn cam kết các giấy biên nhận tiền là do bà T tự viết và ký tên. Giữa nguyên đơn và bà T không có giao dịch dân sự nào khác ngoài việc giao nhận tiền để làm thủ tục hợp thức hóa nhà như đã nêu tại đơn khởi kiện. Căn nhà đường L, phường S, quận T, Thành phố H đến nay vẫn chưa hợp thức hóa được vì vướng thủ tục. Vào thời điểm khởi kiện, vì ông T và bà L cho rằng số tiền

260.000.000 đồng mà bà T nhận của vợ chồng ông T không có biên nhận và đã được giải quyết xong nên không đề cập trong đơn khởi kiện, cụ thể bà T đã trả 200.000.000 đồng vào cuối năm 2013 và ông T cho bà T 60.000.000 đồng làm chi phí đi lại. Số tiền 630.000.000 đồng còn lại, bà T hứa sẽ trả cho ông T, bà L 630.000.000 đồng vào đầu năm 2014. Đề nghị này được ông T, bà L đồng ý nhưng khi ông T đến nhà đòi nợ thì bà T trốn tránh. Thỏa thuận trả nợ giữa ông T, bà L và bà T là thỏa thuận miệng, không có lập thành văn bản. Ngày 02/4/2014, bà T1 (mẹ bà T) đã trả thay 100.000.000 đồng, khi trả tiền có viết trực tiếp trên giấy biên nhận ngày 01/10/2013 của bà T. Từ khi đến hạn trả tiền theo thỏa thuận từ đầu năm 2014 đến nay, bị đơn không trả thêm bất kỳ khoản tiền nào làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 530.000.000 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn đưa vụ án ra xét xử. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện, ông T và bà L yêu cầu bà T trả 530.000.000 đồng dựa trên các giấy biên nhận và thỏa thuận bằng lời nói giữa hai bên. Nội dung của các giấy biên nhận này không xác định lãi vay và nguyên đơn cũng không có yêu cầu tính lãi nên đây là tranh chấp đòi tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo xác minh của Công an phường T, quận Tân Phú thì bà T có hộ khẩu thường trú tại đại chỉ đường N, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã bỏ đi từ năm 2014, không rõ nơi cư trú mới. Việc bà T chuyển đi nơi khác không thông báo cho phía nguyên đơn, chính quyền địa phương là trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung. Xét đây là tranh chấp đòi tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35 và Điểm a, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập hợp lần thứ hai nhưng bà T vẫn vắng mặt không rõ lý do, bà T1 có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện: Ông T, bà L khởi kiện yêu cầu bà T trả 530.000.000 đồng theo 04 giấy biên nhận: 1) Biên nhận ngày 03/4/2013 có nội dung “*Tôi Đỗ Thị T có mượn của Đỗ Thị D L SN: 1969 số tiền: 60.000.000 đ (sáu*

mười triệu đồng)”; 2) Biên nhận ngày 09/4/2013 có nội dung “Tôi Đỗ Thị T có nhận 70.000.000đ (Bảy mươi triệu) của Ông Phan H T”; 3) Biên nhận ngày 10/7/2013 có nội dung “Tôi tên Đỗ Thị T có nhận của Phan H T Số tiền: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng)”; 4) Biên nhận ngày 01/10/2013 có nội dung “Tôi: Đỗ Thị T 76 Nguyễn Hữu Tiến P. Tây Thạnh Quận Tân Phú Có nhận: Ông Phan H T 171 S Quận T 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) làm giấy tờ nhà”, phía dưới có nội dung “02/04/2014 Bà Nguyễn Thị T1 (Mẹ của Chị T) có trả trước 100.000.000đ (một trăm triệu đồng)”. Theo lời khai của nguyên đơn, bà T đã nhận của ông T, bà L 890.000.000 đồng, trong đó có 630.000.000 đồng có giấy biên nhận và 260.000.000 đồng không có biên nhận. Bà T đã trả được 200.000.000 đồng, mẹ bà T trả thay 100.000.000 đồng và được cho 60.000.000 đồng làm chi phí đi lại. Do đó, yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả lại cho ông T và bà L số tiền 530.000.000 đồng.

[4] Bà T không có lời khai tại Tòa án, không cung cấp bất kỳ chứng cứ, tài liệu phản bác yêu cầu của nguyên đơn, vắng mặt khi được Tòa án triệu tập làm việc, hòa giải và khi xét xử mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã giao nộp để giải quyết vụ án.

[5] Bà T1 (là mẹ bà T) xác nhận đã trả thay bà T 100.000.000 đồng cho ông T và bà L, bà không giao nộp chứng cứ và không có yêu cầu gì trong vụ án. Lời khai của bà T1 là phù hợp một phần với lời khai của nguyên đơn, nội dung giấy biên nhận ngày 01/10/2013 mà nguyên đơn đã giao nộp. Việc bà T1 trả thay bà T số tiền 100.000.000 đồng là tự nguyện, bà T1 không có yêu cầu gì đối với số tiền này nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Thông báo Số 1859/TB-PC45(Đ8) ngày 26/5/2016 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung “Việc ông Phan H T cho bà Đỗ Thị T mượn tiền nhiều lần với tổng số tiền 890 triệu đồng bằng giấy viết tay (trong đó có 260.000.000 đồng không viết giấy biên nhận) là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên. Sau đó, bà T có trả lại cho ông T số tiền 300.000.000 đồng, số tiền còn lại cam kết trả lại vào đầu năm 2014 nên đây là giao dịch dân sự và không có dấu hiệu phạm tội, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan điều tra, nếu có tranh chấp thì thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.”.

[7] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bản chính 04 giấy biên nhận do nguyên đơn giao nộp và Thông báo số 1859/TB-PC45(Đ8) ngày 26/5/2016 của Cơ quan cảnh sát Điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xác định ông T, bà L đã giao và bà T đã nhận nhiều lần với tổng số tiền là 890.000.000 đồng. Các giấy biên nhận tiền không thể hiện mục đích của việc giao nhận tiền (trừ biên nhận ngày 01/10/2013 có mục đích làm giấy tờ nhà), không xác định lãi vay, thời hạn trả nợ. Tuy nhiên, bà T đã trả lại cho ông T 200.000.000 đồng; ông T, bà L và bà T đã thỏa thuận bằng lời nói: bà T có nghĩa vụ trả lại cho ông T, bà L 630.000.000 đồng vào đầu năm 2014; 60.000.000 đồng còn lại là chi phí đi lại không phải trả. Ngày 02/4/2014, bà T1 đã trả 100.000.000 đồng cho ông T thay bà T. Như vậy, bà T vẫn còn nghĩa vụ trả cho ông T, bà L

530.000.000 đồng. Từ khi hết thời hạn theo thỏa thuận trả nợ được xác định vào đầu năm 2014 cho đến nay thì bà T vẫn chưa trả thêm cho nguyên đơn bất kỳ khoản tiền nào, vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn trả nợ. Do đó, yêu cầu của ông T và bà L về việc buộc bà T trả lại số tiền 530.000.000 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 256 và Điều 290 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của ông T, bà L được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền mà bà có nghĩa vụ trả nợ là 530.000.000 đồng. Án phí bà T phải chịu là 25.200.000 đồng.

[9] Các kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung của vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Tuy nhiên, việc Tòa án chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn đưa vụ án ra xét xử là khách quan vì cần triệu tập bổ sung người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị Thuần tham gia tố tụng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 121, Điều 124, Điều 256 và Điều 290 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 280, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan H T và bà Đỗ Thị D L.

Buộc bà Đỗ Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Phan H T và bà Đỗ Thị D L số tiền 530.000.000đ (năm trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày ông T và bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà T không thi hành hoặc thi hành không đúng nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng bà T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà T phải chịu 25.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông T và bà L 12.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009959 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà T, bà T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- THADS Q.Tân Phú;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

**Đỗ Thế Đông**